ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 57 /2020/QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 29 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật an toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 2626/TTr-STTTT ngày 25 tháng 12 năm 2020 và Báo cáo thẩm định số 2445/BC-STP ngày 23 tháng12 năm 2020 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 14 tháng 01 năm 2021.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Vụ pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm CNTT&TT;
- VPUB: LĐVP, KTTH, VXNV, HCQT;
- Lưu: VT, KTTH.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Thuận

(Ban hành kèm theo Quyết định số 57 /2020/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc quản lý, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung tỉnh Ninh Thuận.

2. Quy chế này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước; dữ liệu nội bộ, dữ liệu tạm của riêng đơn vị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; các tổ chức, cá nhân có các hoạt động khai thác, sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh Ninh Thuận.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Dữ liệu số: là dữ liệu dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được biểu diễn bằng tín hiệu số. Dữ liệu số mang thông tin số và được chia sẻ dưới dạng thông điệp dữ liệu. Trong Quy chế này, dữ liệu được hiểu là dữ liệu số.

2. Dịch vụ chia sẻ dữ liệu: là các dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hoặc thu nhận dữ liệu từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua các hệ thống thông tin. Trong hệ thống thông tin, dịch vụ chia sẻ dữ liệu là giao diện tương tác của phần mềm phục vụ tiếp nhận kết nối và trao đổi các thông điệp dữ liệu với các hệ thống bên ngoài.

3. Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước: là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ. Trong Quy chế này, dữ liệu mở được hiểu là dữ liệu mở của cơ quan nhà nước.

4. Dữ liệu ngành: là dữ liệu của một ngành, lĩnh vực do cơ quan nhà nước quản lý.

5. Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP): là nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh và đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh với các hệ thống bên ngoài; mô hình kết nối của LGSP theo kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh, phù hợp Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

6. Hệ thống kết nối, liên thông các hệ thống thông tin ở Trung ương và địa phương (NGSP): là hệ thống đóng vai trò trung gian phục vụ kết nối giữa các hệ thống thông tin lớn (hệ thống thông tin quốc gia; cơ sở dữ liệu quốc gia; hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương), giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan cấp Bộ, cấp tỉnh khác nhau hoặc giữa các LGSP; mô hình kết nối của NGSP theo Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam.

Điều 4. Nguyên tắc chung

1. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước của tỉnh được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật trong việc tạo lập, quản lý và sử dụng dữ liệu.

2. Dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn trong cơ quan nhà nước và phải phù hợp với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu ngành.

3. Các cơ quan, đơn vị xây dựng cơ sở dữ liệu của ngành phải đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu theo Quy chế này và phải cập nhật vào cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Dữ liệu phải được thực hiện kiểm tra, đánh giá, kiểm kê, quản trị hàng năm.

5. Dữ liệu được sử dụng thay thế toàn bộ các hoạt động giấy tờ hành chính trao đổi thông tin giữa các cơ quan hành chính trong tỉnh theo quy định.

6. Tất cả các cơ quan trong tỉnh có quyền khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động quản lý nhà nước và các hoạt động theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương II
XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ DỮ LIỆU

Điều 5. Danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm xây dựng danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh được xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Danh mục dữ liệu được cập nhật hàng năm hoặc khi có nhu cầu cần thay đổi.

3. Hàng năm, các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh có trách nhiệm rà soát hiện trạng cơ sở dữ liệu của mình, đề xuất các nội dung cơ sở dữ liệu cần xây dựng, phương án xây dựng gửi Sở Thông tin và Truyền thông để xem xét, đánh giá, đề xuất cập nhật, bổ sung vào danh mục dữ liệu chung của tỉnh.

4. Cơ sở dữ liệu xây dựng hàng năm phải có trong danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 6. Triển khai xây dựng dữ liệu

1. Các cơ quan, đơn vị quản lý nhà nước thuộc tỉnh chủ trì, triển khai xây dựng cơ sở dữ dữ liệu của ngành, lĩnh vực theo danh mục, kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh phải được đặt tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chuẩn bị hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

4. Cơ sở dữ liệu xây dựng phải đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu theo quy định tại Chương III của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP. Trong trường hợp cơ sở đã có chưa đáp ứng được yêu cầu thì xác định các nội dung công việc đưa vào kế hoạch thực hiện khi nâng cấp bảo đảm khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu theo quy định.

Điều 7. Quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu

1. Các hoạt động về quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu được thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Cơ quan, đơn vị quản lý cơ sở dữ liệu ngành có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá duy trì dữ liệu hàng năm. Đầu mối cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm lên kế hoạch thực hiện kiểm tra, đánh giá duy trì nội bộ. Kết quả gửi báo cáo về cho Sở Thông tin và Truyền thông theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Thực hiện lập và triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Việc kiểm tra, đánh giá thực hiện theo Điều 16 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

b) Hướng dẫn việc triển khai các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định của pháp luật và hướng dẫn khác theo chuyên ngành.

Điều 8. Kết nối và khai thác dữ liệu ngoài tỉnh

1. Sở Thông tin và Truyền thông là đầu mối kết nối và khai thác dữ liệu từ bên ngoài tỉnh và cung cấp qua LGSP để các cơ quan, đơn vị khai thác.

2. Các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đánh giá và rà soát dữ liệu theo ngành dọc của mình ở Trung ương, cung cấp thông tin về hiện trạng dữ liệu của các bộ, ngành

cho Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp vào danh mục dữ liệu khai thác ngoài tỉnh dùng chung.

3. Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh khi có nhu cầu đề xuất khai thác dữ liệu từ ngoài tỉnh thì phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông để thực hiện.

4. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu bộ, ngành theo quy định của pháp luật.

5. Đầu mối dữ liệu cơ quan, đơn vị và đầu mối dữ liệu cấp tỉnh sẽ giám sát và phối hợp thực hiện các nội dung phát sinh.

Điều 9. Dữ liệu mở

1. Nguyên tắc cung cấp, sử dụng dữ liệu mở của tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 17 và 18 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

2. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành liên quan xây dựng và triển khai kế hoạch về dữ liệu mở của tỉnh, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Các đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu của tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, thực thi kế hoạch triển khai cung cấp dữ liệu mở của tỉnh; tập hợp dữ liệu và đăng tải dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu quốc gia theo quy định.

4. Các cơ quan, đơn vị có danh mục dữ liệu mở được công bố theo định kỳ 03 tháng phải được cập nhật hoặc bổ sung (nếu có) kể từ thời điểm công bố.

Chương III
CHIA SẺ, KHAI THÁC DỮ LIỆU

Điều 10. Chuẩn bị sẵn sàng chia sẻ dữ liệu

1. Các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh phải định nghĩa các dịch vụ dữ liệu và được Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định để chia sẻ dữ liệu.

2. Sở Thông tin và Truyền thông tiếp nhận các dịch vụ dữ liệu để cung cấp lên LGSP.

3. Đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu có trách nhiệm lập danh sách dịch vụ chia sẻ dữ liệu kèm thông tin mô tả theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và thực hiện đăng tải lên Cổng dữ liệu Quốc gia (Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu).

4. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm rà soát và cung cấp các thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu đối với các dịch vụ chia sẻ dữ liệu ngoài tỉnh.

Điều 11. Chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ tỉnh để khai thác sử dụng thống nhất dữ liệu.

b) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá, kiểm tra việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ tỉnh; tham mưu giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 12. Chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan ngoài tỉnh

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan công bố các dịch vụ dữ liệu của tỉnh cho các cơ quan Trung ương, bộ, ngành khai thác trên Cổng dữ liệu Quốc gia.

b) Tiếp nhận và xử lý các thủ tục yêu cầu chia sẻ dữ liệu trên Cổng dữ liệu quốc gia.

c) Chủ trì thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn, hỗ trợ cơ quan, đơn vị kết nối ra ngoài tỉnh.

2. Việc chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan ngoài tỉnh phải có ý kiến thống nhất giữa Sở Thông tin và Truyền thông với cơ quan, đơn vị quản lý dữ liệu đó. Trường hợp vướng mắc về chia sẻ dữ liệu, xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

3. Phối hợp với cơ quan bên ngoài để kết nối, chia sẻ dữ liệu qua NGSP.

Điều 13. Chia sẻ dữ liệu cho cá nhân, doanh nghiệp

1. Cá nhân, doanh nghiệp có nhu cầu khai thác dữ liệu gửi yêu cầu cho Sở Thông tin và Truyền thông để khai thác.

2. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Lấy ý kiến các đơn vị liên quan (nếu có).

b) Quyết định chia sẻ dữ liệu, trường hợp vượt quá thẩm quyền, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

c) Tổng hợp tình hình chia sẻ dữ liệu cho cá nhân, doanh nghiệp hàng năm, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chương IV
SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Điều 14. Sử dụng dữ liệu trong hoạt động hành chính

1. Các cơ quan, đơn vị chủ động triển khai sử dụng dữ liệu số trong hoạt động hành chính để thay thế sử dụng các giấy tờ không cần thiết.

2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân sử dụng dữ liệu được chia sẻ phục vụ cho công tác quản lý nhà nước và trong quá trình thực thi công vụ.

Điều 15. Sử dụng dữ liệu trong chỉ đạo điều hành

1. Sở Thông tin và Truyền thông đầu mối phân tích, tổng hợp dữ liệu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phục vụ chỉ đạo điều hành trong tỉnh.

2. Các cơ quan, đơn vị sử dụng dữ liệu số trong hoạt động phân tích, tổng hợp dữ liệu, phục vụ cho công tác chỉ đạo điều hành của cơ quan, đơn vị, ngành, lĩnh vực.

Chương V
XỬ LÝ VƯỚNG MẮC, SỰ CỐ CHIA SẺ, SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Điều 16. Vướng mắc khi chia sẻ, sử dụng dữ liệu

Trong những trường hợp sau, đơn vị sử dụng dữ liệu phải thông báo về Sở Thông tin và Truyền thông để xử lý:

1. Khi xác định có sự sai lệch hoặc nghi ngờ về sự sai lệch dữ liệu.

2. Khi hạ tầng kết nối, chia sẻ dữ liệu có sự cố, không thông suốt.

3. Khi không thống nhất được nội dung chia sẻ dữ liệu.

4. Khi sử dụng dữ liệu phát sinh sự cố không mong muốn ảnh hưởng đến các hoạt động nghiệp vụ.

5. Các vấn đề phát sinh khác ảnh hưởng đến quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

Điều 17. Quy trình xử lý vướng mắc

1. Sở Thông tin và Truyền thông sẽ kiểm tra, rà soát quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu giữa các bên.

2. Đối với vấn đề kỹ thuật, Sở Thông tin và Truyền thông sẽ thực hiện xử lý hoặc đề nghị các bên xử lý để không ảnh hưởng tới việc khai thác, sử dụng dữ liệu.

3. Các cơ quan, đơn vị phải có trách nhiệm thực hiện theo ý kiến kết luận của Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc giải quyết các vướng mắc liên quan đến kỹ thuật, công nghệ, việc áp dụng các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

Chương VI
ĐẦU MỐI QUẢN LÝ, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 18. Tổ chức đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu

1. Đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu bao gồm đầu mối cấp tỉnh và đầu mối cấp cơ quan, đơn vị:

a) Đầu mối cấp tỉnh: Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm về quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu chung của tỉnh; phối hợp với đầu mối cấp cơ quan, đơn vị xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ tỉnh và kết nối quản lý, kết nối dữ liệu ra ngoài tỉnh.

b) Đầu mối cơ quan, đơn vị: Các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh (có xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu) cử một cán bộ làm đầu mối để phụ trách quản lý, chia sẻ dữ liệu với các đơn vị khác trong nội bộ tỉnh và phối hợp với đầu mối cấp tỉnh xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan cấp bộ, ngành mình.

2. Các cán bộ đầu mối phải là các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến quản trị dữ liệu theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP.

3. Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp danh sách cán bộ đầu mối cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Thông tin về các đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu phải được đăng tải trên Cổng dữ liệu quốc gia để phục vụ mục đích liên hệ, tổ chức triển khai trao đổi dữ liệu.

5. Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các chính sách về tổ chức đầu mối và chia sẻ dữ liệu đối với dữ liệu của tỉnh, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh chịu trách nhiệm thực hiện xây dựng, cập nhật dữ liệu.

Điều 19. Trách nhiệm đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu

1. Cán bộ làm đầu mối cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị có trách nhiệm kết nối, phối hợp chặt chẽ nhằm thực hiện quản lý, kết nối chia sẻ dữ liệu trong nội bộ tỉnh và ra ngoài tỉnh.

2. Thực hiện chủ trì, quản trị dữ liệu nội bộ; sử dụng tài khoản các hệ thống, nền tảng dùng chung để khai thác, trao đổi dữ liệu; cung cấp thông tin, dữ liệu của cơ quan mình cho đầu mối cấp trên.

3. Rà soát, tổng hợp và đánh giá toàn bộ hiện trạng dữ liệu trong phạm vi cơ quan, đơn vị mình quản lý đang được lưu trữ trong các cơ sở dữ liệu để xác định chất lượng dữ liệu, khả năng chia sẻ và sử dụng bởi các cơ quan bên ngoài. Trong trường hợp dữ liệu không đảm bảo sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau thì cần đưa vào kế hoạch hoàn thiện, nâng cấp dữ liệu để sử dụng cho việc chia sẻ rộng rãi.

4. Lập danh sách dịch vụ chia sẻ dữ liệu kèm thông tin mô tả theo quy định tại khoản 3 Điều 24 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP; thực hiện đăng tải, công bố theo quy định tại Điều 25 của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP và duy trì đảm bảo tính cập nhật của thông tin được đăng tải.

5. Thường xuyên rà soát, đánh giá, xác định nhu cầu sử dụng dữ liệu của cơ quan và ngoài cơ quan mình để đề xuất phương án khai thác, sử dụng; đánh giá nhu cầu của doanh nghiệp, người dân để đề xuất mở dữ liệu phù hợp.

Điều 20. Phối hợp giữa các đầu mối quản lý, chia sẻ dữ liệu

1. Phối hợp chặt chẽ trong việc tiếp nhận, xử lý các vấn đề về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị trong nội bộ tỉnh và ngoài tỉnh.

2. Phối hợp trong việc kiểm tra, rà soát, tổng hợp và đánh giá toàn bộ hiện trạng dữ liệu của cơ quan, đơn vị theo quy định.

3. Phối hợp rà soát, xây dựng, bổ sung, cập nhật các cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh.

4. Phối hợp xác định nhu cầu cung cấp dữ liệu, xây dựng chiến lược về phát triển dữ liệu dùng chung của tỉnh; chia sẻ thông tin, kiến thức quản trị dữ liệu.

Chương VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã triển khai xây dựng, quản lý, chia sẻ, khai thác sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh theo quy định pháp luật và Quy chế này.

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy chế này.

3. Theo dõi tình hình thực hiện Quy chế này, định kỳ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1. Tổ chức thực hiện các nội dung theo Quy chế này tại cơ quan và các đơn vị trực thuộc.

2. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xây dựng, duy trì, quản lý, chia sẻ, cập nhật, khai thác sử dụng dữ liệu ngành, dữ liệu dùng chung của tỉnh.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông trong việc quản lý, khai thác sử dụng dữ liệu dùng chung của tỉnh để phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành và tác nghiệp chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo thẩm quyền quy định.

Điều 24. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có thành tích xuất sắc trong việc tuân thủ và thực hiện Quy chế này sẽ được xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các quy định trong Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ

bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có khó khăn, vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung; các cơ quan, đơn vị báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Long Biên